TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2018/HS-ST
Ngày: 29-10-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Ngọc Diệp

Bà Trần Thị Kim Mỹ

Thư ký phiên toà: Ông Lê Hoàng Út - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Ông Lê An Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 86/2018/TLST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 93/2018/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

LÊ NHẬT T, sinh năm: 1996 tại Thành phố Cần Thơ; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu vực P, phường T, quận TN, Thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn H, sinh năm: 1966 và bà Phạm Thị Mỹ N, sinh năm: 1970; Vợ: Nguyễn Thị Kim N, sinh năm: 1998; Có 01 người con sinh năm 2016; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/7/2018. (Có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Luật sư Nguyễn Nghệ A – Văn phòng Luật sư Nguyễn Nghệ A thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

- *Bị hại:*

Trần Thị Mỹ T, sinh năm: 1963;

Nơi cư trú: Số 337C, khu phố B, Phường S, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Trương Trịnh Trọng T, sinh năm: 1972;

Nơi cư trú: Số 240/1, khu phố M, Phường B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

2. Quách Thị Bích Tr, sinh năm: 1990;

Nơi cư trú: khu vực T, phường T, quận TN, Thành phố Cần Thơ. (Có mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Nguyễn Bạch Phương L, sinh năm: 1970;

Nơi cư trú: Số 88B1, khu phố B, Phường S, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

2. Nguyễn Thị Bé H, sinh năm: 1966;

Nơi cư trú: Số 339C, khu phố B, Phường S, thành phố BT tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 06 giờ 30 phút ngày 06/7/2018, Lê Nhật T điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu Honda, số loại Wave RSX, màu đỏ - đen, biển số 71B2 – 755.72 (xe của Quách Thị Bích Tr) đi trên đường Trương Định hướng từ vòng xoay Phường N đến chợ Phường S, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Khi đến đoạn trước nhà số 288C, khu phố B, Phường S, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, T phát hiện chị Trần Thị Mỹ T đang đi bộ tập thể dục trên cổ có đeo sợi dây chuyền vàng 18k dạng hột châu, trọng lượng 5 chỉ, có mặt hình trái tim nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Để thực hiện ý định, T điều khiển xe môtô biển số 71B2 – 755.72 chạy vượt lên, áp sát vào chị T dùng tay trái giật lấy sợi dây chuyền vàng của chị T làm đứt dây chuyền rơi lại tại hiện T 38 hột châu và mặt dây chuyền, T lấy được 01 đoạn dây chuyền rồi tăng ga xe tẩu thoát về hướng chợ Phường S, sau đó đem đoạn dây chuyền vừa giật được đến tiệm vàng Châu T ở khu phố B, phường P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre bán cho anh Trương Trịnh Trọng Tvới giá 5.000.000 đồng. Sau đó hành vi của T bị phát hiện.

Vật chứng thu giữ:

- 01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda, số loại Wave RSX, màu đỏ, đen, số máy JA31E0336532, số khung 3110E9184732, biển số 71B2 – 755.72.

- 38 hột châu (bi) bằng vàng, trọng lượng 1 chỉ 1,4 phân vàng 18K;

- 01 mặt dây chuyền vàng hình trái tim trọng lượng 1 chỉ 1,9 phân vàng 18K.

- Tiền Việt Nam 1.000.000 đồng.

Tại Bảng kết luận giám định ngày 29/8/2018 của Sở khoa học và công nghệ tỉnh Bến Tre kết luận:

- 02 mẫu tang vật: 38 hột châu (hột bi), 01 mặt dây chuyền được trưng cầu giám định trên là vàng;

- Hàm lượng vàng, khối lượng vàng cụ thể của các mẫu: 38 hột châu (hột bi) có hàm lượng vàng là 67,69%, khối lượng vàng 01 chỉ 1,4 phân; một mặt dây chuyền hình trái tim có hàm lượng vàng 67,55%, khối lượng vàng 01 chỉ 1,9 phân.

Theo các Bảng kết luận định giá trị tài sản số 1008/KL-HĐĐG ngày 18/9/2018 và số 1013/KL-HĐĐG ngày 19/9/2018 của Hội đồng định giá thành phố Bến Tre kết luận:

- 01 sợi dây chuyền vàng dạng hột châu (hột bi) trọng lượng 5 chỉ vàng 18k, trị giá tài sản ngày 06/7/2018 giá mua 12.764.000 đồng, giá bán 13.464.000 đồng;

- 01 mặt dây chuyền vàng hình trái tim trọng lượng 1 chỉ 1,9 phân vàng 18k, trị giá tài sản ngày 06/7/2018 giá mua 3.037.832 đồng, giá bán 3.204.432 đồng.

Tại bản cáo trạng số 94/CT-VKSTPBT ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Lê Nhật T về tội "*Cướp giật tài sản*" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị: áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Lê Nhật T từ 02 đến 03 năm tù về tội "Cướp giật tài sản". Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã trao trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Quách Thị Bích Tr 01 xe mô tô, biển số 71B2 – 755.72; trao trả cho bị hại Trần Thị Mỹ T 01 mặt dây chuyền vàng hình trái tim trọng lượng 1 chỉ 1,9 phân vàng 18k; 38 hột châu (hột bi) bằng vàng tổng trọng lượng 1 chỉ 1,4 phân vàng 18k; trả cho bị cáo T số tiền 1.000.000 đồng. Ghi nhận bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại T số tiền 10.000.000 đồng do tài sản không thu hồi được và hiện bị hại không yêu cầu gì thêm. Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo do bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định.

Bị cáo Lê Nhật T có lời khai tại phiên tòa là vào khoảng 06 giờ 30 ngày 06/7/2018 tại khu vực thuộc khu phố B, Phường S, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, bị cáo đã thực hiện hành vi điều khiển xe mô tô biển số 71B2 – 755.72 áp sát vào người bị hại T và dùng tay trái giật lấy sợi dây chuyền của bị hại T rồi tăng ga tẩu thoát. Sau khi chiếm đoạt tài sản, bị cáo đem bán tại tiệm vàng Châu T được 5.000.000 đồng, lấy tiền tiêu xài cá nhân. Sau đó hành vi của bị cáo bị phát hiện. Bị cáo thừa nhận hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật về đề nghị giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo thống nhất với cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo T theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Thống nhất với các tình tiết giảm nhẹ Viện kiểm sát đề nghị. Bị cáo cũng 01 lần bị mổ do tràn dịch màn phổi, nhất thời phạm tội, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Thống nhất đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, đề nghị áp dụng mức án thấp nhất Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Quách Thị Bích Tr trình bày: Chiếc xe mô tô biển số 71B2 – 755.72 là của chị, chị cho bị cáo mượn chạy xe

honda ôm. Chị không biết bị cáo dùng để thực hiện tội phạm. Cơ quan điều tra đã giao trả lại xe mô tô cho chị xong, chị không yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên sơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thành phố Bến Tre, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Lê Nhật T tại phiên tòa là vào khoảng 06 giờ 30 ngày 06/7/2018 tại khu vực thuộc khu phố B, Phường S, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, bị cáo đã thực hiện hành vi điều khiển xe mô tô biển số 71B2 – 755.72 áp sát vào người bị hại T và dùng tay trái giật lấy sợi dây chuyền của bị hại T rồi tăng ga tẩu thoát. Sau khi chiếm đoạt tài sản, bị cáo đem bán tại tiệm vàng Châu Tín được 5.000.000 đồng, lấy tiền tiêu xài cá nhân. Sau đó hành vi của bị cáo bị phát hiện. Đối chiếu với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu khác thu thập được trong quá trình điều tra là phù hợp nhau. Giá trị tài sản của bị hại bị chiếm đoạt được Hội đồng định giá tài sản thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xác định là 15.801.832 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý với giá trị, không khiếu nại gì, Hội đồng xét xử căn cứ giá trị Hội đồng định giá xác định để xét xử đối với bị cáo. Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận biết hành vi dùng xe mô tô là nguồn nguy hiểm cao độ tham gia giao thông để áp sát vào bị hại nhằm giật tài sản là nguy hiểm và vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện và hậu quả đã xảy ra. Vì vậy, Hội đồng xét xử đủ căn cứ kết luận bị cáo phạm tội "Cướp giật tài sản" với tình tiết định khung tăng nặng "dùng thủ đoạn nguy hiểm" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã lợi dụng sự thiếu cảnh giác của bị hại để bất ngờ giật lấy tài sản của họ rồi nhanh chóng tẩu thoát. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân mà còn gây mất trật tự, an toàn xã hội, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng: bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng. Xét tình tiết giảm nhẹ bị cáo được hưởng như đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo còn có nghĩa vụ nuôi con chưa thành niên theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên cần áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật đã quy định cũng đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo. Căn cứ vào tính chất mức độ và

hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Trần Thị Mỹ T đã nhận lại tài sản là 01 mặt dây chuyền vàng hình trái tim trọng lượng 1 chỉ 1,9 phân vàng 18K; 38 hột châu (hột bi) bằng vàng tổng trọng lượng 1 chỉ 1,4 phân vàng 18K, đồng thời yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị tài sản không thu hồi được là 10.000.000 đồng, bị cáo đồng ý và đã tác động gia đình bồi thường xong, hiện bị hại không yêu cầu gì khác nên ghi nhận.

[6] Về xử lý vật chứng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã trao trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Quách Thị Bích Tr01 xe mô tô, biển số 71B2 – 755.72; trao trả cho bị hại Trần Thị Mỹ T 01 mặt dây chuyền vàng hình trái tim trọng lượng 1 chỉ 1,9 phân vàng 18K; 38 hột châu (hột bi) bằng vàng tổng trọng lượng 1 chỉ 1,4 phân vàng 18K; trả cho bị cáo T số tiền 1.000.000 đồng. Xét thấy, đây là các tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không liên quan đến tội phạm nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp nên ghi nhận.

[7] Về hình phạt bổ sung: xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh đối với bị cáo "Cướp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo phù hợp với quy định pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận. Lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa phù hợp với luận tội của Kiểm sát viên và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Đối với Trương Trịnh Trọng T khi mua dây chuyền vàng do bị cáo bán không biết tài sản do bị cáo phạm tội mà có và Quách Thị Bích Tr khi cho bị cáo mượn xe không biết bị cáo sử dụng để phạm tội nên không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Lê Nhật T phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Nhật T phạm tội "Cướp giật tài sản".

1. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Nhật T 02 (Hai) năm tù;

Thời hạn tù tính từ ngày 10/7/2018.

2. Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự:

- Ghi nhận bị hại Trần Thị Mỹ T đã nhận lại tài sản là 01 (Một) mặt dây chuyền vàng hình trái tim trọng lượng 1 chỉ 1,9 phân vàng 18k; 38 (Ba mươi tám) hột châu (hột bi) bằng vàng tổng trọng lượng 1 chỉ 1,4 phân vàng 18k.

- Ghi nhận bị cáo đã tác động gia đình bồi thường giá trị tài sản không thu hồi được là 10.000.000 (Mười triệu) đồng và hiện bị hại không yêu cầu gì khác.

3. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã trao trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Quách Thị Bích Tr 01 (Một) xe mô tô, biển số 71B2 – 755.72; trao trả cho bị hại Trần Thị Mỹ T 01 (Một) mặt dây chuyền vàng hình trái tim trọng lượng 1 chỉ 1,9 phân vàng 18k; 38 (Ba mươi tám) hột châu (hột bi) bằng vàng tổng trọng lượng 1 chỉ 1,4 phân vàng 18k; trả cho bị cáo T số tiền 1.000.000 (Một triệu) đồng.

4. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Nhật T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND phường nơi bị cáo cư trú (1b);
- Bị cáo, NBC, bị hại, NCQLNVLQ (5b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (2b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Ngô Văn Trình